

Số: 20/2017/QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 20 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2017 - 2018, lộ trình đến năm học 2020-2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009; Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ: Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 42 /2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2017-2018, lộ trình đến năm học 2020-2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu học phí tại các trường đại học, cao đẳng chuyên nghiệp, trung cấp chuyên nghiệp, mầm non và giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh quản lý năm học 2017-2018, lộ trình đến năm học 2020-2021 như sau:

1. Học phí giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học:

TT	Tên trường	Nhóm ngành	Mức thu (đồng/học sinh/tháng)			
			Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Đại học Hải Dương					
	Đại học	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông nghiệp	740.000	810.000	890.000	980.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; khách sạn, du lịch	870.000	960.000	1.060.000	1.170.000
	Cao đẳng chuyên nghiệp	Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông nghiệp	590.000	650.000	710.000	780.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; khách sạn, du lịch	700.000	770.000	850.000	940.000
2	Cao đẳng Hải Dương					
	Cao đẳng chuyên nghiệp	Khoa học xã hội, kinh tế; nông nghiệp, thủy sản	590.000	650.000	710.000	780.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	700.000	770.000	850.000	940.000
	Trung cấp chuyên nghiệp	Khoa học xã hội, kinh tế; nông nghiệp, thủy sản	520.000	570.000	620.000	690.000
		Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	610.000	670.000	740.000	820.000
3	Cao đẳng Y tế Hải Dương					
		Y dược Cao đẳng	860.000	940.000	1.040.000	1.140.000
		Y dược Trung cấp	750.000	830.000	910.000	1.000.000
4	Cao đẳng nghề Hải Dương					
		Cao đẳng nghề	380.000	450.000	540.000	650.000

		Trung cấp nghề	330.000	400.000	480.000	580.000
5	Trung cấp Văn hoá - Nghệ thuật và Du lịch Hải Dương	Văn hoá, Nghệ thuật, Du lịch	200.000	240.000	290.000	350.000

* Đào tạo thạc sỹ: Mức thu học phí gấp 1,5 lần mức thu học phí đại học nêu trên.

2. Học phí mầm non và giáo dục phổ thông công lập:

TT	Cấp học	Mức thu (đồng/học sinh/tháng)			
		Năm học 2017- 2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Nhà trẻ				
	- Thành thị	150.000	155.000	160.000	165.000
	- Miền núi	60.000	60.000	60.000	60.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	110.000	115.000	120.000	125.000
2	Mẫu giáo				
	- Thành thị	120.000	125.000	130.000	135.000
	- Miền núi	60.000	60.000	60.000	60.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	90.000	95.000	100.000	105.000
3	Trung học cơ sở				
	- Thành thị	90.000	95.000	100.000	105.000
	- Miền núi	50.000	55.000	60.000	60.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	70.000	75.000	80.000	85.000
4	Trung học phổ thông				
	- Thành thị	120.000	125.000	130.000	135.000
	- Miền núi	60.000	60.000	60.000	60.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	90.000	95.000	100.000	105.000
5	Bổ túc Trung học phổ thông				
	- Thành thị	120.000	125.000	130.000	135.000
	- Miền núi	60.000	60.000	60.000	60.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	90.000	95.000	100.000	105.000

6	Hướng nghiệp				
	- Thành thị	30.000	30.000	35.000	35.000
	- Miền núi	20.000	20.000	25.000	25.000
	- Nông thôn và các khu vực còn lại	25.000	25.000	30.000	30.000

* Ghi chú:

- Khu vực thành thị gồm các phường của thành phố Hải Dương và các phường của thị xã Chí Linh.

- Khu vực Miền núi gồm:

+ Các xã thuộc thị xã Chí Linh: Hoàng Tiến, Văn Đức, Lê Lợi, Tân Dân, Hưng Đạo, Đông Lạc, An Lạc, Nhân Huệ, Cổ Thành, Hoàng Hoa Thám, Bắc An, Kênh Giang;

+ Các xã, thị trấn thuộc huyện Kinh Môn: thị trấn Kinh Môn, Hiệp An, Phúc Thành, An Phú, Hiệp Hòa, Thượng Quận, Phạm Mệnh, An Sinh, Thất Hùng, Thái Sơn, Hiệp Sơn, Bạch Đằng, Lê Ninh, Duy Tân, thị trấn Phú Thứ, Tân Dân, Hoàn Sơn, thị trấn Minh Tân.

* Đối với các trường mầm non, phổ thông công lập chất lượng cao thuộc các huyện, thị xã, thành phố: Theo lộ trình tự chủ, mức thu học phí cụ thể của từng năm học thực hiện theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2017-2018, lộ trình đến năm học 2020-2021.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Giáo dục – Đào tạo;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch HĐND, UBND tỉnh;
- Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Hải Dương, Công báo tỉnh;
- Lưu V, Thư (100b) *đ*

Để báo cáo

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái